

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19-8-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hồng Kiệt.
2. Bà Bùi Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đỗ Thị Ngọc K, sinh năm 2001, địa chỉ cư trú: Ấp Thống Nh 1, xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- Bị đơn: Trần Thanh G, sinh năm 1996, địa chỉ cư trú: Ấp Thống Nh 1, xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 6 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Đỗ Thị Ngọc K trình bày: Vào năm 2017, chị K và anh G có sống chung như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Đỗ Thành Đ, sinh ngày 06-7-2018 và Đỗ Thành Đ1 sinh ngày 24-9-2019, thời gian sinh sống thì hạnh phúc, đến năm 2018 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do anh G thường xuyên uống rượu dẫn đến thiếu trách nhiệm với gia đình và gây bạo hành với chị K. Nay chị K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân

Hồng giải quyết. Về hôn nhân, chị Đỗ Thị Ngọc K yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh G. Về con chung, có hai con chung tên Đỗ Thành Đ, sinh ngày 06-7-2018 và Đỗ Thành Đ1 sinh ngày 24-9-2019 (hiện nay cháu Đ và Đ1 đang sống chung với chị K), chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh G cấp dưỡng 02 con chung theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án chị K không yêu cầu anh G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên Tòa chị K yêu cầu anh G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thanh G trình bày: Qua trình bày của chị K, anh G thống nhất về hôn nhân vào năm 2017, chị K và anh G có sống chung như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Đỗ Thành Đ, sinh ngày 06-7-2018 và Đỗ Thành Đ1 sinh ngày 24-9-2019. Chị K yêu cầu ly hôn, anh G không thống nhất ly hôn với chị K. Về con chung, nếu ly hôn anh G thống nhất giao 02 con chung cho chị K nuôi dưỡng anh G không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên Tòa anh G thống nhất ly hôn với chị K và con chung đồng ý giao cháu Đ, cháu Đ1 cho chị K nuôi dưỡng và anh G không đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo yêu cầu của chị K, vì không có thu nhập.

Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Từ năm 2017 đến nay, chị K và anh G chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh, chị là không hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”. Do đó, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị K và anh G không có đăng ký kết hôn nên không công nhận chị K và anh G là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị K và anh G có 02 con chung tên Đỗ Thành Đ, sinh ngày 06-7-2018 và Đỗ Thành Đ1 sinh ngày 24-9-2019 (hiện nay cháu Đ và cháu

Đ1 đang sống chung với chị K), chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng theo quy định của pháp luật. Ý kiến của anh G thống nhất có hai con chung tên Đỗ Thành Đ và Đỗ Thành Đ1, anh G đồng ý giao 02 con chung cho chị K nuôi dưỡng, anh G không đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo yêu cầu của chị K. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Đ và cháu Đ1 đang sống chung với chị K. Vì vậy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị là giao con chung Đỗ Thành Đ, sinh ngày 06-7-2018 và Đỗ Thành Đ1 sinh ngày 24-9-2019 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Chị K yêu cầu anh G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Đ và cháu Đ1 mỗi tháng theo quy định của pháp luật, anh G không đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Đ và cháu Đ1 theo yêu cầu của chị K. Hội đồng xét xử xét thấy: Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con được quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình “*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*”. Do đó, anh G không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và cháu Đ1 nên phải có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo yêu cầu của chị K là phù hợp theo quy định của pháp luật. Nên buộc anh Trần Thanh G phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Đỗ Thành Đ, sinh ngày 06-7-2018 và Đỗ Thành Đ1 sinh ngày 24-9-2019 mỗi tháng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở (theo Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang) tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng từ ngày 19 tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu Đ và cháu Đ1 đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Vậy, chị K phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh G không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Về án phí cấp dưỡng sơ thẩm: Anh Trần Thanh G phải chịu 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm, chị K không phải chịu án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Đỗ Thị Ngọc K và anh Trần Thanh G là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị Ngọc K tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Thành Đ, sinh ngày 06-7-2018 và Đỗ Thành Đ1 sinh ngày 24-9-2019 (hiện nay cháu Đ và Đ1 đang sống chung với chị K). Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Trần Thanh G phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Đỗ Thành Đ, sinh ngày 06-7-2018 và Đỗ Thành Đ1 sinh ngày 24-9-2019 mỗi tháng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở (theo Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang) tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng từ ngày 19 tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu Đ và cháu Đ1 đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Đỗ Thị Ngọc K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0008658 ngày 03-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Đỗ Thị Ngọc K đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Trần Thanh G không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về án phí cấp dưỡng sơ thẩm:

Anh Trần Thanh G phải chịu 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm. Chị Đỗ Thị Ngọc K không phải chịu án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19-8-2020).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương